TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH AN** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:45/2022/QĐST-HNGĐ	*Cao Bằng, ngày 13 tháng 12 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 45/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: **Trần Thị H** – sinh năm 1977

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký tạm trú: Bản R, xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- Bị đơn: **Long Văn S** – sinh năm 1959

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Căn cứ vào Khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2022.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 12 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

- **Chị Trần Thị H** – sinh năm 1977

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

Nơi đăng ký tạm trú: Bản R xã M, huyện C, tỉnh Bắc Kạn

- **Anh Long Văn S** – sinh năm 1959

Nơi ĐKHKTT: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Cao Bằng

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** Công nhận việc thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị H** và anh **Long Văn S.**

- ***Về con chung:*** Có con chung là Long Thị D, sinh ngày 09/9/2004 (đã đủ 18 tuổi), hiện đang đi làm công nhân tại Khu công nghiệp Q, tỉnh Bắc Giang, không xem xét trách nhiệm nuôi con chung.

- ***Về tài sản chung:*** Hai đương sự tự thỏa thuận phân chia tài sản yêu cầu Tòa án ghi nhận như sau:

- Anh S được quyền quản lý và sử dụng 04 thửa đất và các tài sản khác trên đất gồm: Thửa số 21 tờ bản đồ 75 diện tích là 3780m^2; Thửa đất số 22 tờ bản đồ 75 diện tích 1447m^2 nằm trong GCN quyền sử dụng đất số AP 317274, số vào sổ H01129 đứng tên Trần Thị H và Long Văn S; Thửa đất số 23 tờ bản đồ 75 diện tích 2318m^2, thửa đất số 24 tờ bản đồ 75 diện tích 924m^2 thuộc GCN quyền sử dụng đất số CB 370494 số vào sổ CS02575 đứng tên Trần Thị H và Long Văn S.

- Chị H được quyền quản lý và sử dụng 05 thửa đất và các tài sản khác trên đất gồm: Thửa số 124 tờ bản đồ 76 diện tích 95m^2, thửa số 133 tờ bản đồ 76 diện tích 688m^2 thuộc GCN quyền sử dụng đất số CQ 177244 số vào sổ CS 02703 đứng tên Trần Thị H và Long Văn S; Thửa đất số 43 tờ bản đồ 75 diện tích 511m^2, thửa số 56 tờ bản đồ 75 diện tích 442m^2, thửa đất số 63 tờ bản đồ 75 diện tích 308m^2 nằm trong GCN quyền sử dụng đất CN 671587 số vào sổ CS 02663 đứng tên Trần Thị H và Long Văn S.

- ***Nợ chung***: Hai đương sự xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- ***Về án phí:*** Đương sự là hộ nghèo thuộc trường hợp được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND H. Thạch An;
- UBND xã Vân Trình, H. Thạch an;
- Chi cục THADS H. Thạch An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Phan Vũ Hoàng